

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 283/2026/DS-PT
Ngày: 30 – 3 – 2026
“V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tân

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Ông Lê Phan Công Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2026/TLPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2026/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 227/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Tấn T, sinh năm 1990; CCCD số: 096090014561; địa chỉ: Ấp B, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Lê Hồng N, sinh năm 1979; CCCD số: 096179007616; địa chỉ: Ấp K, xã Q, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Hồng N.

(Ông Trần Tấn T, bà Lê Hồng N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án ông Trần Tấn T trình bày:***

Từ năm 2023 đến tháng 4/2025, bà N có thu mua tôm của ông T nhiều lần, bà N có nợ lại tiền. Tháng 4/2025, bà N có làm giấy chốt lại tiền còn nợ ông T là 177.500.000 đồng, hẹn đến cuối tháng 5/2025 sẽ trả trước 30.000.000 đồng, còn lại sẽ trả dần. Nhưng sau khi cam kết hứa hẹn bà N lại không thực hiện đúng nghĩa vụ.

Ông T yêu cầu giải quyết buộc bà N trả cho ông số tiền mua bán tôm còn nợ lại là 177.500.000 đồng, đồng thời tính lãi suất số tiền nợ trên theo mức lãi suất 1,67%/tháng = 2.964.250 đồng/tháng, tính từ ngày 10/4/2025 đến ngày 10/12/2025 là 8 tháng x 2.964.250 đồng = 23.714.000 đồng. Tổng vốn và lãi là 201.214.000 đồng. Tại phiên tòa, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu trả số tiền lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

** Bà Lê Hồng N trình bày:*

Giữa bà và ông T có thực hiện mua bán tôm thịt là đúng, tuy nhiên do làm ăn thất bại nên có nợ lại ông T số tiền 177.500.000 đồng, có chốt biên nhận nợ tháng 4/2025. Thời điểm thực hiện mua bán từ năm 2017 và nợ từ 2021 đến nay.

Nay bà N đồng ý trả cho ông T 177.500.000 đồng nhưng yêu cầu trả dần và không đồng ý tính lãi suất vì bà không có khả năng thanh toán.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2026/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tấn T.

Buộc bà Lê Hồng N có nghĩa vụ trả cho ông Trần Tấn T số tiền 189.333.000 đồng (một trăm tám mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng)

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 27 tháng 01 năm 2026, bị đơn bà Lê Hồng N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết không chấp nhận việc buộc bà phải trả lãi chậm trả tính từ tháng 04/2025 đến tháng 12/2025 là 08 tháng là 11.833.000 đồng (Mười một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) đối với số tiền 177.500.000 đồng (Một trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Hồng N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự trình bày:

Bị đơn trình bày: Giao dịch mua bán tôm giữa tôi và ông T là quan hệ dân sự thông thường, không có thỏa thuận về việc tính lãi hay thời điểm bắt đầu tính lãi khi chậm thanh toán. Do làm ăn gặp khó khăn, tôi hiện không có khả năng chi trả khoản lãi phát sinh 11.833.000 đồng (Mười một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Nguyên đơn trình bày: Không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Hồng N giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2026/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:* Đơn kháng cáo của bà Lê Hồng N đảm bảo về hình thức, nội dung và còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Tại quá trình giải quyết vụ án và trong đơn kháng cáo, bà N thừa nhận còn nợ ông T số tiền 177.500.000 đồng từ việc mua bán tôm. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà N trả số tiền này là có căn cứ.

[2.2] Bà N kháng cáo yêu cầu không chịu lãi suất 11.833.000 đồng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc bà N mua tôm của ông T, hai bên đã chốt nợ vào tháng 04/2025 nhưng bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc ông T yêu cầu tính lãi suất chậm trả là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do các bên không có thỏa thuận cụ thể về mức lãi suất khi chốt nợ, cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để tính lãi từ tháng 4/2025 đến tháng 12/2025 (8 tháng) là đúng quy định.

Việc bà N trình bày lý do hoàn cảnh kinh tế khó khăn để xin miễn lãi không phải là căn cứ pháp lý để miễn trừ trách nhiệm dân sự phát sinh do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà N là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện, áp dụng đúng các quy định của pháp luật. Kháng cáo của bà Lê Hồng N là không có căn cứ. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Hồng N phải chịu theo quy định pháp luật.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Hồng N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Hồng N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2026/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau.

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 29 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tấn T.

Buộc bà Lê Hồng N có nghĩa vụ trả cho ông Trần Tấn T số tiền 189.333.000 đồng (một trăm tám mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Lê Hồng N phải chịu số tiền 9.467.000 đồng (chín triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), (chưa nộp).

2.2. Ông Trần Tấn T không phải chịu án phí, Trần Tấn T đã nộp tạm ứng án phí tổng số tiền 5.030.000 đồng (năm triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006625 ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau được nhận lại.

3. Án phí phúc thẩm: Bà Lê Hồng N phải chịu án phí, ngày 27 tháng 01 năm 2026 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0001131 Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được giữ y chuyên thu ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà Phúc thẩm TANDTC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND KV 4 - Cà Mau;
- Phòng THADS KV 4 - Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Tân

